

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Chỉ số VN-Index tăng điểm ngày từ thời điểm đầu phiên, và đóng cửa tại mức 1,684.90 điểm, tăng 17.64 (+1.06%) so với đóng cửa phiên thứ Sáu. Sắc xanh lan tỏa trên toàn bộ thị trường với 18/18 nhóm ngành ghi nhận tăng điểm, trong đó, nhóm Ô tô và phụ tùng dẫn đầu đà tăng, theo ngay sau là nhóm Viễn thông và nhóm Hàng & Dịch vụ Công nghiệp. Về giao dịch của Khối ngoại, Khối Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng thứ năm liên tiếp trên thị trường Việt Nam. Mặc dù khối lượng giao dịch chỉ cải thiện một cách vừa phải, tuy nhiên, việc chỉ số đóng cửa trên đường trung bình động 20 phiên trên biểu đồ ngày, chúng tôi cho rằng, nhiều khả năng xu hướng tăng điểm sẽ tiếp tục diễn ra trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+17.64** điểm, đóng cửa tại **1684.9** điểm. HNX-Index **+4.18** điểm, đóng cửa tại **280.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.07)**, **CTG (+1.51)**, **HVN (+1.28)**, **VIX (+0.92)**, **MSN (+0.90)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.93)**, **HDB (-0.20)**, **VPB (-0.09)**, **MSB (-0.06)**, **NAB (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,303** tỷ đồng, tăng **12.87%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 37,685 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.29 điểm. Thị trường có **238** mã tăng, 58 mã tham chiếu, **76** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1319.19** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-622.75 tỷ)**, **HPG (-178.14 tỷ)**, **STB (-123.46 tỷ)**, **SSI (-119.26 tỷ)**, **CTG (-109.82 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-54.52** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.94%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+3.31%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+3.05%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSN (+2.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.99%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHC (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
GMD (+6.65%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.94%	1.99%	1.06%	0.61%
1 tuần	2.79%	2.47%	3.72%	3.85%
1 tháng	1.88%	-0.17%	3.37%	5.24%
3 tháng	20.02%	24.92%	25.02%	31.11%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,684.90	280.69	110.46
% 1D	1.06%	1.51%	0.34%
GTKL (tỷ VND)	34,303	2,284	686
%1D	12.87%	5.04%	1.74%
GDNN (tỷ VND)	-1319.19	-54.52	-202.79

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	205.24	FPT	-622.75
BID	98.79	HPG	-178.14
ACB	63.84	STB	-123.46
DPG	50.48	SSI	-119.26
VHC	50.17	CTG	-109.82

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,584	-0.05%	1.59%
FTSE100	9,276	-0.08%	0.59%
Eurostoxx	5,430	0.80%	1.43%
Shanghai	3,861	-0.26%	0.88%
Nikkei	44,768	0.89%	4.07%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

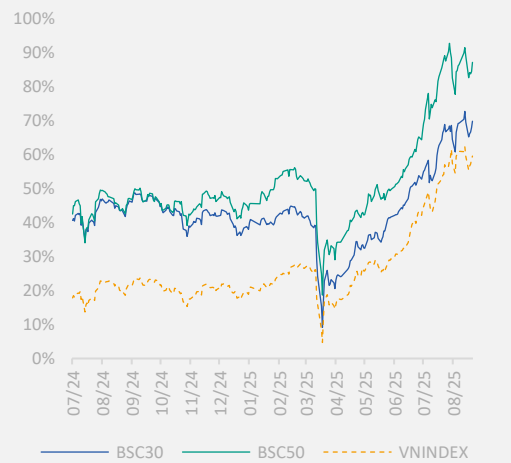
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.24	0.37%
Giá vàng	3,645	-0.12%

Tỷ giá		
USD/VND	26,476	0.00%
EUR/VND	31,733	-0.10%
JPY/VND	183	-0.54%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	-0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

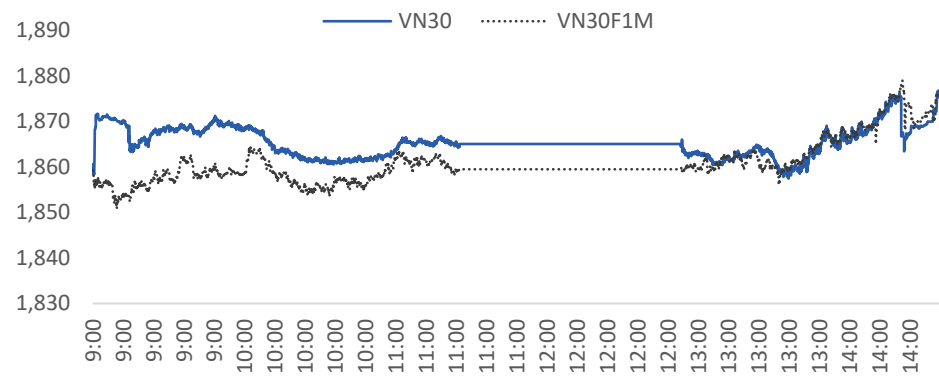
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1876.00	0.91%	258,192	-30.4%	18/09/2025	3
41I1FA000	1867.50	2.19%	3,327	32.2%	16/10/2025	31
VN30F2512	1855.00	0.71%	134	-66.8%	18/12/2025	94
41I1G3000	1837.20	0.41%	130	-50.19%	19/03/2026	185

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +11.30 điểm, đóng cửa tại 1876.75 điểm. Biên độ dao động 19.28 điểm. Các cổ phiếu như MSN, HPG, TCB, LPB, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán yếu dần trước phiên sáng khiến VN30 hồi phục và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1FA000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2406	4/11/2025	50	709,000	3.44%	79.00	2,090	21.5%	1.85	91.54	88.50	88.50
CTCB2503	27/10/2025	42	60,800	6.15%	26.00	7,700	20.5%	6.57	41.40	39.00	39.00
CMSN2506	19/09/2025	4	1,050,700	-1.86%	75.56	1,130	20.2%	1.30	86.86	88.50	88.50
CVHM2508	19/11/2025	65	100	-5.17%	54.44	8,930	19.5%	10.10	99.09	104.50	104.50
CMSN2503	27/10/2025	42	1,273,500	1.19%	75.00	2,910	18.8%	2.85	89.55	88.50	88.50
CHPG2528	23/02/2026	161	1,213,200	12.69%	30.00	2,100	18.6%	1.61	34.20	30.35	30.35
CMSN2509	19/12/2025	95	658,400	8.36%	82.00	1,390	14.9%	1.06	95.90	88.50	88.50
CMSN2511	12/01/2026	119	989,200	2.82%	59.00	4,000	14.0%	3.81	91.00	88.50	88.50
CHPG2522	23/03/2026	189	54,200	5.00%	21.65	4,090	13.3%	3.77	31.87	30.35	30.35
CMSN2508	19/11/2025	65	1,322,800	4.83%	79.78	1,300	13.0%	1.11	92.78	88.50	88.50
CMSN2507	20/10/2025	35	673,100	1.47%	78.00	1,180	12.4%	1.14	89.80	88.50	88.50
CMSN2510	23/02/2026	161	626,400	11.98%	83.40	1,570	12.1%	1.19	99.10	88.50	88.50
CMSN2513	14/10/2025	29	1,123,300	0.17%	65.00	4,730	12.1%	4.75	88.65	88.50	88.50
CMSN2517	3/12/2025	79	356,900	13.09%	86.69	1,340	11.7%	0.72	100.09	88.50	88.50
CHPG2512	19/09/2025	4	549,700	-0.77%	24.89	1,570	11.3%	1.64	30.12	30.35	30.35
CMSN2514	15/12/2025	91	1,958,400	2.37%	68.00	4,520	10.5%	4.33	90.60	88.50	88.50
CVIC2505	19/09/2025	4	300	-1.63%	55.56	16,000	9.6%	16.45	135.56	137.80	137.80
CHPG2521	11/12/2025	87	403,300	2.07%	23.32	2,300	9.5%	2.22	30.98	30.35	30.35
CMSN2512	20/05/2026	247	588,000	5.29%	60.00	4,740	9.5%	4.45	93.18	88.50	88.50
CMSN2516	23/06/2026	281	672,200	8.93%	72.00	6,100	9.3%	5.55	96.40	88.50	88.50

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 15/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CMSN2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.51%. CMSN2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.70%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVHM2408, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	88.50	2.91%	2.92
HPG	30.35	1.17%	2.15
TCB	39.00	1.04%	1.11
LPB	44.55	1.02%	0.91
MWG	79.50	0.63%	0.80

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	104.50	-0.95%	-1.07
HDB	31.25	-0.79%	-0.46
VPB	31.55	-0.16%	-0.16
VJC	145.60	-0.27%	-0.15
VRE	30.65	-0.33%	-0.13

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	42.20	3.05%	2.07	7.02
CTG	51.60	2.38%	1.51	5.37
HVN	36.30	6.92%	1.28	2.21
VIX	37.45	7.00%	0.92	1.53
MSN	88.50	2.91%	0.90	1.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	20.10	8.65%	1.05	0.89
KSF	79.80	3.64%	0.59	0.30
MBS	37.00	3.93%	0.56	0.57
SHS	26.60	2.31%	0.37	0.89
NTP	67.00	3.08%	0.24	0.17

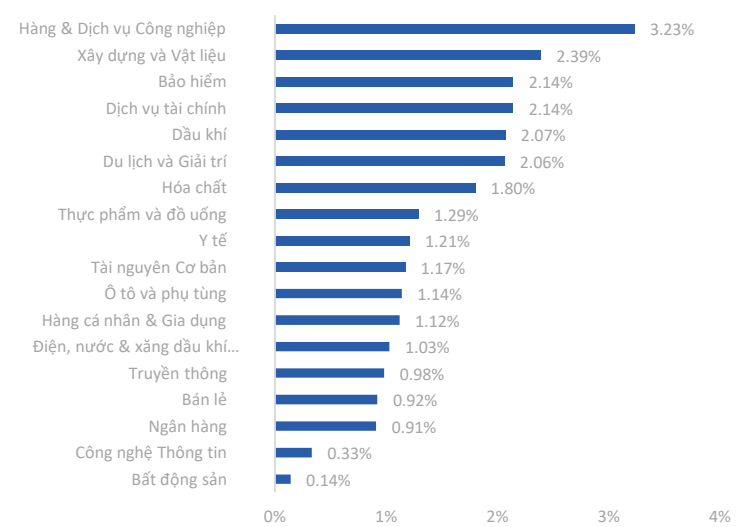
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIX	37.45	7.00%	0.91	53.75
TEG	6.42	7.00%	0.01	1.07
ICT	18.35	7.00%	0.01	0.35
HU1	6.27	7.00%	0.00	0.01
VHC	64.30	6.99%	0.23	5.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	30.20	9.82%	0.15	0.00
CET	6.80	9.68%	0.02	0.00
HHC	123.90	9.65%	0.78	0.00
ICG	15.20	9.35%	0.10	0.08
NRC	6.10	8.93%	0.20	2.46

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	104.50	-0.95%	-0.93	4.11
HDB	31.25	-0.79%	-0.20	3.50
VPB	31.55	-0.16%	-0.09	7.93
MSB	13.75	-0.72%	-0.06	2.60
NAB	15.35	-0.97%	-0.06	1.72

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	152.00	-0.65%	-0.13	0.20
THD	27.30	-1.09%	-0.08	0.38
L40	61.50	-7.66%	-0.03	0.01
S99	11.60	-3.33%	-0.03	0.10
SJ1	12.00	-6.98%	-0.02	0.04

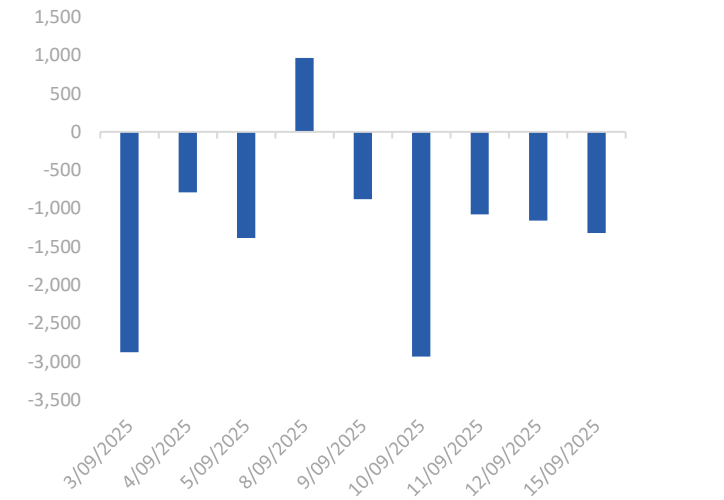
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TN1	15.55	-6.89%	-0.01	0.15
SVC	21.80	-6.84%	-0.03	0.03
PNC	25.15	-5.81%	0.00	0.00
C47	12.05	-5.12%	-0.01	0.32
VNG	7.49	-3.85%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BXH	15.50	-9.88%	-0.02	0.00
SGD	24.00	-9.77%	-0.04	0.00
KKC	7.50	-9.64%	-0.01	0.00
VBC	23.50	-9.27%	-0.06	0.00
TXM	5.10	-8.93%	-0.01	0.03

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	79.5	0.6%	1.3	116,798	882.6	3,304	23.9	84,700	47.4%	Link
KBC	Bất động sản	39.2	0.9%	1.6	36,587	253.9	1,835	21.2	-	13.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.9	0.1%	1.2	39,053	114.8	716	48.6	39,900	31.8%	Link
PDR	Bất động sản	23.9	0.9%	1.6	23,172	823.4	177	133.9	28,200	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	104.5	-1.0%	1.0	433,332	305.6	6,984	15.1	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.9	0.3%	1.0	173,076	1448.0	5,092	20.0	118,700	37.4%	Link
BSR	Dầu khí	28.1	3.3%	0.0	84,334	330.9	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.4	0.0%	1.3	16,920	128.2	2,644	13.4	42,800	10.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.7	1.1%	1.5	29,591	236.1	1,101	24.9		37.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.2	0.7%	1.4	86,981	1751.6	1,574	26.6		39.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	45.2	1.9%	1.3	32,011	274.1	1,369	32.4		27.7%	
DCM	Hóa chất	39.7	2.2%	1.6	20,567	111.3	3,186	12.2	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	99.5	2.1%	1.3	37,028	239.8	8,175	11.9	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.4	0.4%	0.9	135,094	813.0	3,305	8.0	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	42.2	3.1%	1.0	287,525	306.6	3,683	11.1	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	51.6	2.4%	0.9	270,648	654.8	5,608	9.0	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	31.3	-0.8%	1.1	110,094	541.7	4,075	7.7	30,800	17.2%	Link
MBB	Ngân hàng	26.9	0.9%	1.0	214,263	574.8	3,046	8.7	32,000	22.5%	Link
MSB	Ngân hàng	13.8	-0.7%	1.1	43,212	130.4	1,634	8.5	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	56.0	1.1%	0.9	104,441	499.0	6,148	9.0		19.1%	
TCB	Ngân hàng	39.0	1.0%	1.2	273,529	743.3	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.8	1.5%	1.2	51,518	258.0	2,423	8.1	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	65.8	0.0%	0.6	549,803	766.0	4,148	15.9	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	21.5	0.9%	0.8	72,335	239.0	2,218	9.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.6	-0.2%	1.2	250,712	2012.1	2,193	14.4	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	30.4	1.2%	1.0	230,264	2930.0	1,750	17.1	34,300	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	20.7	1.0%	1.1	12,730	287.1	751	27.3	23,800	10.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.3	0.5%	1.4	11,219	225.5	4,124	7.1	31,700	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	88.5	2.9%	1.4	124,349	1461.1	1,861	46.2	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.1	-0.2%	0.4	132,085	223.3	4,101	15.4	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.5	0.66%	1.6	9,906	106.6	2,216	20.4	22.7%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	133.2	1.68%	0.9	22,310	117.9	3,163	41.4	31.0%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	59.3	2.77%	1.2	42,832	20.5	3,278	17.6	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	25.2	2.44%	1.3	15,870	544.4	211	116.1	6.0%	1.8%	
DXG	Bất động sản	24.2	0.62%	1.2	24,504	398.1	350	68.8	24.9%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.5	1.14%	1.1	6,260	83.9	482	72.9	6.5%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.0	0.95%	1.5	11,728	92.1	540	58.7	19.3%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	43.8	1.39%	1.3	16,394	106.5	3,977	10.9	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.3	0.00%	1.4	15,884	71.0	1,709	24.1	46.0%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	61.0	3.04%	1.3	14,333	22.0	5,215	11.4	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	35.4	2.16%	1.3	6,237	49.5	1,978	17.5	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.0	1.62%	1.6	18,807	151.8	1,103	19.6	10.6%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	137.8	0.00%	1.2	530,946	402.9	3,487	39.5	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.7	-0.33%	1.3	69,874	93.3	1,937	15.9	17.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.8	0.62%	1.2	8,586	21.2	1,701	23.8	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	0.42%	0.9	45,233	45.0	1,661	21.4	16.1%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	-0.21%	1.4	13,286	210.4	1,428	16.7	4.1%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.9	1.61%	1.6	12,924	68.9	1,348	27.7	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	37.0	3.93%	1.9	20,391	403.3	1,554	22.9	6.1%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.2	1.12%	0.8	150,809	41.1	5,002	12.5	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.7	1.29%	0.9	36,182	434.7	636	24.3	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.0	1.80%	0.9	36,183	83.0	4,417	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	145.6	-0.27%	0.8	86,375	325.0	3,427	42.6	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.4	0.73%	1.3	49,632	487.3	1,736	31.7	7.0%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.8	6.65%	1.2	29,077	491.2	3,826	18.1	41.5%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.6	3.17%	1.1	9,591	193.1	5,700	10.0	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	1.10%	1.3	8,506	50.7	2,306	7.9	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	104.0	3.48%	0.0	12,239	58.5	3,317	30.3	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.2	0.23%	1.0	29,736	81.1	6,115	14.4	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.5	4.65%	1.0	3,372	74.0	2,693	11.2	49.7%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.9	4.78%	1.1	2,562	81.9	2,841	7.4	16.6%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	27.4	2.81%	1.5	18,120	128.0	957	27.8	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.9	1.70%	2.0	117,400	81.2	1,331	22.1	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	27.5	1.10%	0.9	50,666	581.6	1,783	15.3	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	44.6	1.02%	0.7	131,739	96.1	3,324	13.3	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.4	-0.97%	0.0	26,593	109.2	2,260	6.9	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.1	0.00%	0.9	34,886	74.1	1,130	11.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.7	0.51%	1.0	8,772	398.9	666	29.5	6.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.2	2.28%	1.6	7,602	156.4	1,871	15.3	2.5%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.2	0.15%	0.7	10,367	78.6	1,981	17.2	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.7	0.11%	1.1	59,832	23.8	3,185	14.7	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	64.3	6.99%	1.3	13,490	319.3	6,444	9.3	20.3%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	151.5	0.46%	0.8	12,345	7.3	13,894	10.9	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.9	6.92%	1.2	7,770	197.9	4,512	17.0	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.5	3.82%	1.4	10,192	71.9	4,930	18.1	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.0	6.10%	1.2	4,460	169.8	2,518	17.6	2.6%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.7	3.63%	1.4	7,536	245.9	1,077	14.1	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.1	0.93%	1.3	9,585	54.2	1,189	22.5	14.6%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	28.6	6.12%	1.2	17,422	841.3	1,195	22.6	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	59.6	2.58%	1.4	26,049	61.2	3,343	17.4	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>